

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK SONG
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2024/DS-ST

Ngày 01/02/2024

“V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK SONG, TỈNH ĐẮK NÔNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đình Minh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Bá Tuyên và bà Võ Thị Thanh Huệ

Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Song;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lý - Kiểm sát viên

Ngày 01 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Song xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 269/2023/TLST- DS ngày 20 tháng 11 năm 2023 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2023/QĐXXST- DS ngày 22 tháng 12 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2024/QĐST-DS ngày 15/01/2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng N; Địa chỉ: Số B L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V, chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Trọng H, chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng N chi nhánh Đ; Địa chỉ: Tổ dân phố C, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

- **Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị T; Địa chỉ: Tổ dân phố B, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 30 tháng 10 năm 2023 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa ông Võ Trọng H người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng N chi nhánh Đ ký hợp đồng vay vốn với bà Nguyễn Thị T, cụ thể bà T vay các khoản như sau:

Tại Hợp đồng tín dụng số 5305LAV202200650 ngày 14/4/2022, tài khoản vay 63582000387392 giữa Ngân hàng N chi nhánh Đ với bà Nguyễn Thị T ký kết vay số tiền gốc là 90.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, trả nợ định kỳ hàng tháng với số tiền gốc là 1.500.000 đồng, lãi theo số nợ dư thực tế, lãi suất thỏa thuận là 10,5 %/ năm, tự điều chỉnh theo quy định của Ngân hàng Nông nghiệp, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn. Quá trình vay vốn bà T trả trả gốc và lãi được một thời gian thì không trả nữa. Thời hạn bà T vi phạm quá hạn gốc và lãi là ngày 20/3/2023.

Hiện nay hợp đồng này còn nợ số tiền gốc 73.500.000 đồng; tiền lãi là 6.791.918 đồng.

Tại Hợp đồng thấu chi số 5305-LAV-202201255 ngày 15/7/2022, mã khách hàng 5305-226743062 được ký kết giữa Ngân hàng N chi nhánh Đ với bà Nguyễn Thị T ký hợp đồng vay số tiền là 100.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, trả nợ định kỳ hàng tháng, lãi suất cho vay thấu chi: 9,5%/năm tại thời điểm ký hợp đồng. Trường hợp thay đổi lãi suất, A sẽ thỏa thuận với khách hàng nhưng không được vượt trần lãi suất do Nhà nước quy định trong từng thời kỳ, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn.

Hiện nay hợp đồng này còn nợ số tiền gốc là: 104.441.753 đồng, tiền lãi là 7.897.600 đồng.

Ngân hàng đã làm việc nhiều lần yêu cầu bà T thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo các hợp đồng đã ký kết, tuy nhiên bà T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi cho Ngân hàng gây khó khăn cho công tác xử lý, thu hồi nợ của Ngân hàng.

Ngân hàng N yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc bà Nguyễn Thị T thực hiện nghĩa vụ trả nợ tại hợp đồng tín dụng và hợp đồng thấu chi đã ký với tổng số tiền dư nợ còn lại cả tiền gốc và lãi là 192.631.271 đồng (*Một trăm chín mươi hai triệu sáu trăm ba mươi một nghìn hai trăm bảy mươi một đồng*); trong đó nợ tiền gốc 177.941.753 đồng, nợ tiền lãi 14.689.518 đồng

Kể từ ngày 02/02/2024 bà Nguyễn Thị T phải tiếp tục chịu lãi suất quá hạn như đã thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng số 5305LAV202200650 ngày 14/4/2022 và Hợp đồng thấu chi số 5305-LAV-202201255 ngày 15/7/2022 đối với số tiền gốc chưa thi hành cho đến khi thi hành án xong.

Do vay vốn bằng hình thức tín chấp nên không có tài sản thế chấp theo quy định nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về xử lý tài sản thế chấp.

Trường hợp bà Nguyễn Thị T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, xử lý các nguồn thu, tài sản cá nhân khác của bà T để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Bị đơn bà Nguyễn Thị T: Quá trình làm việc bà Nguyễn Thị T không chấp hành theo các văn bản tố tụng mà Tòa án tổng đạt. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Đắk Song đã lập các biên bản theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông trình bày quan điểm giải quyết vụ án: Về việc chấp hành pháp luật của

Thẩm phán, Thư ký từ khi thụ lý giải quyết vụ án đến khi Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng. Bị đơn không chấp hành quá trình tham gia tố tụng.

- Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của **Ngân hàng N**, buộc bà **Nguyễn Thị T** phải trả cho **Ngân hàng N** tổng số tiền gốc 177.941.753 đồng (*Một trăm bảy mươi bảy triệu chín trăm bốn mươi một nghìn bảy trăm năm mươi ba đồng*) và tiền lãi phát sinh theo quy định của pháp luật.

Về các vấn đề khác đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ý kiến khắc phục khác: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết tranh chấp: **Ngân hàng N** khởi kiện yêu cầu bà **Nguyễn Thị T** phải trả số tiền gốc 177.941.753 đồng và tiền lãi phát sinh theo quy định của pháp luật tại hợp đồng tín dụng và hợp đồng thấu chi đã ký kết. Hiện nay, bà **T** có đăng ký hộ khẩu tại **thị trấn Đ, huyện Đ**. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” được quy định khoản 1 Điều 26 và thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về chấp hành pháp luật của bị đơn: Quá trình giải quyết vụ án bị đơn không có mặt tại Tòa án làm việc. Vì vậy, để có căn cứ giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt cho chồng của bà **T** theo quy định tại Điều 173, Điều 174, Điều 177 và Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc bị đơn không chấp hành pháp luật được coi tự ý từ bỏ quyền được tham gia tố tụng, quyền tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét nội dung tranh chấp:

[2.1] Căn cứ hợp đồng tín dụng số 5305LAV202200650 ngày 14/4/2022 và hợp đồng thấu chi số 5305-LAV-202201255 ngày 15/7/2022 các khoản vay trên bà **Nguyễn Thị T** đã đề quá hạn, Ngân hàng đã thông báo thu hồi nợ nhiều lần nhưng không có kết quả; mục đích vay vốn là phục vụ sinh hoạt. Tính đến ngày xét xử bà **T** còn nợ **Ngân hàng N** số tiền gốc là 177.941.753 đồng và tiền lãi của các hợp đồng tính đến ngày 01/02/2024, do Ngân hàng lập bảng kê tính lãi cung cấp cho Tòa án. Qua đối chiếu kiểm tra dựa trên các hợp đồng về lãi suất do các bên thỏa thuận, bà **T** còn

nợ tổng nợ lãi 14.689.518 đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi là 192.631.271 đồng. Nên yêu cầu khởi kiện của **Ngân hàng N** là có căn cứ nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

[2.2] Về số tiền lãi chậm trả kể từ ngày 02/02/2024. Theo hướng dẫn tại Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 thì bà **T** phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 5305LAV202200650 ngày 14/4/2022 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc; bà **T** phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại hợp đồng thấu chi số 5305-LAV-202201255 ngày 15/7/2022 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

[2.3] Do vay vốn bằng hình thức tín chấp không đăng ký thế chấp tài sản nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về xử lý tài sản thế chấp.

[2.4] Trường hợp bà **Nguyễn Thị T** không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ thì **Ngân hàng N** có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, xử lý các nguồn thu, tài sản cá nhân khác của bà **T** để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

[3] Xét quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và đúng pháp luật nên được chấp nhận.

[4] *Về án phí*: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 9.631.563 đồng. Hoàn trả cho **Ngân hàng N** số tiền 4.668.000 đồng (*Bốn triệu sáu trăm sáu mươi tám nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001494 ngày 17/11/2023 tại Chi Cục thi hành án dân sự huyện Đắk Song tỉnh Đắk Nông

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; khoản 3 Điều 92; Điều 147; Điều 271 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Điều 280 và Điều 282 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của **Ngân hàng N**.

Buộc bà **Nguyễn Thị T** có nghĩa vụ trả cho **Ngân hàng N** tổng số tiền cả gốc và lãi là 192.631.271 đồng (*Một trăm chín mươi hai triệu sáu trăm ba mươi một nghìn hai trăm bảy mươi một đồng*); trong đó nợ tiền gốc 177.941.753 đồng, nợ tiền lãi 14.689.518 đồng, thời hạn tính lãi tính đến ngày 01/02/2024.

Kể từ ngày 02/02/2024, bà **Nguyễn Thị T** còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận theo các hợp đồng tín dụng 5305LAV202200650 ngày 14/4/2022 và Hợp đồng thấu chi số 5305-LAV-202201255 ngày 15/7/2022 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thì lãi suất mà bà **T** phải tiếp tục thanh toán cho **Ngân hàng N** cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

Trường hợp bà **Nguyễn Thị T** không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ thì **Ngân hàng N** có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên, xử lý các nguồn thu, tài sản cá nhân khác của bà **T** để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc bà **Nguyễn Thị T** phải nộp 9.631.563 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho **Ngân hàng N** số tiền 4.668.000 đồng (*Bốn triệu sáu trăm sáu mươi tám nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001494 ngày 17/11/2023 tại Chi Cục thi hành án dân sự huyện Đắk Song tỉnh Đắk Nông.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông
- VKSND huyện Đắk Song;
- Chi cục THADS huyện Đắk Song;
- Dương sự;
- Lưu HS, VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Đình Minh

